

Clarityne điều trị dị ứng hiệu quả

Clarityne®
Loratadine

Chỉ 1 viên/ngày, không gây buồn ngủ*

10 Tablets
10 mg/Tab.

Clarityne®
LORATADINE
Tablets
Schering-Plough



Nguyen
26/12/13

2 tuổi trở lên

Giảm các triệu chứng dị ứng hiệu quả:



- ☒ Viêm mũi dị ứng⁽¹⁾
 - ☒ Hắt hơi
 - ☒ Sổ mũi
 - ☒ Ngứa mũi
 - ☒ Ngứa và chảy nước mắt
- ☒ Mày đay mạn tính và các bệnh về da do dị ứng⁽¹⁾

TÓM TẮT THÔNG TIN SẢN PHẨM

Clarityne® Viên nén và Sirô. Biệt dược của loratadine.

TRÌNH BÀY: Mỗi viên nén Clarityne® chứa 10 mg loratadine; mỗi 5 ml sirô Clarityne® chứa 5 mg loratadine. **CHỈ ĐỊNH VÀ SỬ DỤNG:** Clarityne® được chỉ định để giảm triệu chứng do viêm mũi dị ứng, như hắt hơi, sổ mũi, ngứa mũi, ngứa và chảy nước mắt, giảm triệu chứng của mày đay mạn tính và các bệnh da do dị ứng khác. **LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:** Người lớn và trẻ > 12 tuổi: Clarityne® viên nén: 1 viên (10 mg) - ngày 1 lần. Clarityne® sirô: 2 thìa cà phê đầy (10 mg) - ngày 1 lần. Trẻ từ 2 đến 12 tuổi: Cân nặng > 30 kg: 10 ml (10 mg) (hai thìa cà phê đầy) Clarityne® sirô - ngày 1 lần. Cân nặng ≤ 30 kg: 5 ml (5 mg) (một thìa cà phê đầy) Clarityne® sirô - ngày 1 lần. **TƯƠNG TÁC THUỐC:** Khi sử dụng chung với rượu, loratadine không ảnh hưởng trên tâm thần, tăng nồng độ loratadine trong huyết tương khi sử dụng đồng thời với ketoconazole, erythromycin hoặc cimetidine, nhưng không thấy thay đổi đáng kể có ý nghĩa lâm sàng (kể cả điện tâm đồ). Cần thận trọng khi phối hợp với các thuốc khác đã biết có tác dụng ức chế sự chuyển hóa ở gan; Nên ngừng sử dụng Clarityne® 48 giờ trước khi tiến hành các thử nghiệm trên da. **TÁC DỤNG NGOẠI Ý:** Không gây buồn ngủ một cách đáng kể với liều 10 mg mỗi ngày. Các tác dụng phụ được báo cáo phổ biến nhất bao gồm: mệt mỏi, đau đầu, lơ mơ, khô miệng, rối loạn dạ dày ruột như buồn nôn, viêm dạ dày, và cũng gặp các triệu chứng dị ứng như nổi ban, hiếm có báo cáo rung tốc, quá mẫn, chức năng gan bất thường, nhanh nhịp tim, đánh trống ngực và chóng mặt. Tỷ lệ tác dụng ngoại ý liên quan đến việc dùng thuốc hiếm khi được báo cáo, tương tự với placebo. Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc. **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:** Các chế phẩm Clarityne® chống chỉ định cho những bệnh nhân quá mẫn hoặc đặc ứng với các thành phần của thuốc. **THẬN TRỌNG:** Liều khởi đầu đề nghị ở những bệnh nhân suy gan nặng là 5 ml hoặc 5 mg/ngày hoặc 10 ml hoặc 10 mg dùng cách ngày. Chưa xác lập hiệu quả của Clarityne® ở trẻ dưới 2 tuổi. Tuy nhiên, dữ liệu được đồng học của loratadine ở trẻ từ 1 đến 2 tuổi sau khi dùng liều duy nhất 2,5 mg Clarityne® sirô là tương tự như trẻ lớn tuổi hơn và người lớn. **THAI KÝ VÀ CHO CON BÚ:** chỉ dùng thuốc khi lợi ích vượt trội nguy cơ đối với thai kỳ; nên ngừng cho con bú hoặc ngừng thuốc. **QUÁ LIỀU:** Lơ mơ, đánh trống ngực và đau đầu đã được báo cáo khi dùng quá liều. Uống một lần 160 mg loratadine không gây tác dụng phụ. Trong trường hợp quá liều nên lập tức điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ. **TRÌNH BÀY:** Clarityne® viên nén 10 mg - hộp 4 viên, 10 viên và hộp 10 vỉ x 10 viên. Clarityne® sirô - lọ 60 ml và 100 ml. **BẢO QUẢN:** Dưới 30°C. Vỉ chứa viên nén phải được bảo quản tránh ẩm. Giữ thuốc ngoài tầm tay trẻ em. **HẠN DÙNG:** Clarityne® viên nén: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. Clarityne® sirô: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng. **ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI BÁC SĨ HOẶC ĐƯỢC SĨ.** Sản xuất bởi: PT Schering-Plough Indonesia Tbk, Jl. Raya Pandaan Km 48, Pandaan, Pasuruan, East Java, Indonesia. *Nhãn hiệu thương mại. Tháng 5 - 2012.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:⁽¹⁾ Thông tin kê toa Clarityne.

Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo thuốc của Cục Quản lý Dược:/...../QLD-TT, ngày.....tháng.....năm. Ngày in tài liệu: ngày....tháng....năm....

(*) Liều cho người trên 12 tuổi; Tỷ lệ buồn ngủ tương tự placebo (khoảng 1%-2%).